

Bản án số: 67/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 16 tháng 10 năm 2017
V/v “Tranh chấp HN&GD
giữa chị N và anh K”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Hồng.

2. Ông Vũ Ngọc Hân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thảo - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Hà Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 10 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 228/2017/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2017 về việc “Tranh chấp Hôn nhân và Gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2017/QĐXX-ST ngày 06 tháng 9 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 51/2017/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Thúy N, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Tổ dân phố P, phường D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (Có mặt tại phiên tòa)

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thành K, sinh năm 1986.

HKTT: Thôn L, xã S, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Địa chỉ chỗ ở: Số nhà A, đường H, phường D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.
(Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/6/2017 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là chị Phạm Thị Thúy N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ngày 22/02/2012, chị và anh Nguyễn Thành K đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D (nay là phường D), thành phố B, tỉnh Bắc Giang và đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Hôn nhân giữa chị và anh K là hoàn toàn tự nguyện, trải qua thời gian tìm hiểu nhau trước đó. Anh chị cũng được hai bên gia đình tổ chức cưới, hỏi theo phong tục tập quán, địa phương. Sau khi cưới, anh chị về chung sống cùng gia đình chị tại Tổ dân phố P, phường D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Vợ chồng chị chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì anh K thuê nhà ở riêng với lý do để lập Công ty. Thời điểm này, chị cũng phát hiện anh K có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Lấy cớ bận việc, anh K không quan tâm gì đến vợ con. Chị và anh K ly thân đến năm 2015 thì đoàn tụ vì thương con. Tuy nhiên, chung sống được vài tháng thì chị phát hiện anh K vẫn chứng nào tật ấy. Cuối năm 2015 thì anh K lại dọn ra ở riêng, anh chị ly thân từ đó đến nay, không quan hệ gì về tình cảm và kinh tế. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố B giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Thành K.

Về con chung: Chị và anh K có hai con chung là Nguyễn Hoàng G, sinh ngày 03/8/2012 và Nguyễn Thành N, sinh ngày 21/3/2016. Hiện con chung đang ở cùng chị. Sau khi ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con chung. Nhưng nếu anh K cũng có nguyện vọng nuôi một con thì chị đồng ý. Hiện chị đang công tác tại Trung tâm văn hóa điện ảnh tỉnh Bắc Giang, thu nhập khoảng từ 4 đến 5 triệu đồng/ 1 tháng, ngoài ra chị còn nhận thiết kế thêm cho các đơn vị tổ chức sự kiện, thu nhập cũng khoảng từ 4 đến 5 triệu/ 1 tháng, đủ điều kiện chăm sóc và nuôi dưỡng con chung. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị và anh K tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị và anh K không có tài sản chung, công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bị đơn là anh Nguyễn Thành K trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị N về thời gian, điều kiện kết hôn, diễn biến quá trình chung sống của vợ chồng. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, anh K trình bày: Giữa anh chị cũng có những mâu thuẫn như bao gia đình khác. Thời gian ra ở riêng để lập Công ty, anh cũng có quan hệ với người phụ nữ khác nhưng chỉ là quan hệ nhất thời. Anh xác định vẫn còn tình cảm vợ chồng nên không nhất trí ly hôn chị N.

Về con chung: Anh thống nhất với lời trình bày của chị N về số con chung, họ tên, ngày, tháng, năm sinh con chung. Trường hợp phải ly hôn, anh có nguyện vọng nuôi dưỡng một con chung. Về cấp dưỡng nuôi con chung, anh và chị N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ chung: Anh thống nhất với lời trình bày của chị N về việc không có tài sản chung, công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản làm việc ngày 10/8/2017, chính quyền địa phương nơi chị N sinh sống cung cấp: Chị N và anh K tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, sau khi cưới hai anh chị về chung sống cùng gia đình chị N. Chính quyền địa phương không biết mâu thuẫn cụ thể giữa chị N và anh K, chỉ biết từ năm 2013, anh K không chung sống cùng gia đình nhà vợ nữa.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng anh K đều vắng mặt không lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa ngày 26/9/2017, do anh K vắng mặt không có lý do nên Tòa án quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay, chị N trình bày: Chị có nguyện vọng được nuôi con chung Nguyễn Thành N, sinh ngày 21/3/2016 do con còn quá nhỏ, rất cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của mẹ. Chị đồng ý để anh K chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Hoàng G, sinh ngày 03/8/2012. Về các vấn đề khác, chị giữ nguyên quan điểm như đã trình bày. Anh K vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết và xét xử vụ án. Nguyên đơn chấp hành theo đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự, vắng mặt tại các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại các phiên tòa không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Thúy N được ly hôn anh Nguyễn Thành K.

- Về con chung: Giao cho chị N nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thành N, sinh ngày 21/3/2016; anh K nuôi dưỡng con chung Nguyễn Hoàng G, sinh ngày 03/8/2012. Về cấp dưỡng nuôi con chung, các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Thành K có hộ khẩu thường trú tại Thôn Luông, xã Phúc Sơn, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang, nhưng chị N và anh K có đơn thỏa thuận lựa chọn Tòa án án nhân thành phố B giải quyết vụ án ly hôn giữa hai anh chị. Do vậy, Tòa án nhân dân thành phố B thụ lý, giải quyết vụ án “Tranh chấp Hôn nhân và Gia đình” giữa chị Phạm Thị Thúy N và anh Nguyễn Thành K là đảm bảo đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập họp lệ anh K lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng anh K vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt anh K là đảm bảo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh K kết hôn ngày 22/02/2012 trên cơ sở tự nguyện, được tự do tìm hiểu. Tại thời điểm kết hôn, hai bên có đủ điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (nay là phường D) và đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp. Chị N và anh K chung sống đến năm 2013 đã phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân. Đến năm 2015, vợ chồng đoàn tụ nhưng chỉ được vài tháng lại xảy ra mâu thuẫn và chính thức ly thân từ cuối năm 2015 cho đến nay. Anh K không nhất trí ly hôn nhưng cũng đã thừa nhận có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, anh và chị N không quan hệ gì về tình cảm và kinh tế đã hơn một năm nay. Mâu thuẫn giữa chị N và anh K diễn ra trong một thời gian dài. Cả hai đã cố gắng đoàn tụ lại để chung sống nhưng không có kết quả. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng anh K đều vắng mặt không lý do, chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị N và anh K đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị N được ly hôn anh K.

[3] Về con chung: Chị N và anh K đều công nhận có hai con chung là Nguyễn Hoàng G, sinh ngày 03/8/2012 và Nguyễn Thành N, sinh ngày 21/3/2016. Chị N có nguyện vọng được nuôi con thứ hai vì cháu còn quá nhỏ, anh K có nguyện vọng nuôi một trong hai con. Do vậy, giao chị N nuôi con chung Nguyễn Thành N, sinh ngày 21/3/2016; giao anh K nuôi con chung Nguyễn Hoàng G, sinh ngày 03/8/2012 là phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh và nguyện vọng của hai bên đương sự, phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét. Sau khi ly hôn, chị N, anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của người con nên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức đóng góp cấp dưỡng nuôi con nếu sau này các đương sự có yêu cầu.

[5] Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự đều xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Thúy N được ly hôn anh Nguyễn Thành K.

2. Về con chung: Giao cho chị N nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thành N, sinh ngày 21/3/2016; giao anh K nuôi dưỡng con chung Nguyễn Hoàng G, sinh ngày 03/8/2012. Cấp dưỡng nuôi con chung không xem xét, giải quyết do các đương sự không có yêu cầu. Sau khi ly hôn, chị N, anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2014/0001806 ngày 06/7/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. Xác nhận chị N đã thi hành xong án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- CCTHADS TP. B;
- VKSND TP. B;
- Các đương sự;
- UBND P. D, TP. B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hương Giang